

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01- 2022

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 116/2021/TLST- HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L - sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố N, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2/Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn V, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày :

Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Ngọc T có tìm hiểu và kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, chị L nghi ngờ anh T không chung thủy. Đến cuối năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Hiện nay chị L không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Ngọc T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài A - sinh ngày 13/01/2010. Hiện con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị Kim L có tìm hiểu và yêu thương nhau, kết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên việc chị L yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh Tiến và chị L có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài A - sinh ngày 13/01/2010. Khi ly hôn anh Nguyễn Ngọc T đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng;

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Hoài A - sinh ngày 13/01/2010 cho chị Nguyễn Thị Kim L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc T ở thôn V, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Anh Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị L, anh T sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân cuối năm 2013 đến nay. Mặc khác theo xác minh tại phụ nữ xã T thì vợ chồng chị L, anh T đã sống ly thân nhiều năm. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị L và anh T đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài A - sinh ngày 13/01/2010. Khi ly hôn cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao con chung cho chị L nuôi. Để đảm bảo mọi mặt của cháu, theo nguyện vọng của cháu A. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao cháu Nguyễn Ngọc Hoài A - sinh ngày 13/01/2010 cho chị Nguyễn Thị Kim L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai số 0000764 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L

1.Về hôn nhân : Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hoài A - sinh ngày 13/01/2010 cho chị Nguyễn Thị Kim L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3.Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4.Về nợ chung: Không có

5.Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai số 0000764 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Minh Kha

